TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 23/2019/QĐST-HNGĐ.	*K , ngày 25 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 17/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thảo L, sinh năm 1983.

Bị đơn: Anh Trần Trường H, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Số 642 Hùng V, thành phố K, tỉnh KonTum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa:

Chị Nguyễn Thị Thảo L, sinh năm 1983.

Anh Trần Trường H, sinh năm 1977.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Trường H với chị Nguyễn Thị Thảo L.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thảo L và anh Trần Trường H tự nguyện thỏa thuận như sau : Anh Trần Trường H tự nguyện thỏa thuận giao 02 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 14/03/2009 và Trần Gia H, sinh ngày 22/06/2015 cho chị Nguyễn Thị Thảo L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Thảo L tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu anh Trần Trường H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Thảo L và anh Trần Trường H tự nguyện thỏa thuận mỗi người nộp 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí. Chị Nguyễn Thị Thảo L tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Trần Trường H, nên số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị L phải nộp là 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Nguyễn Thị Thảo L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000049 ngày 05/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố KonTum. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thảo L150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhận tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố KonTum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố;
- UBND phường Thắng L, tp K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Tuấn